

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2024

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Bảo Y, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số 138 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phi T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 27 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Bảo Y trình bày: Tôi và ông Nguyễn Phi T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng tôi hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng tôi không tôn trọng vợ và không tôn trọng gia đình vợ từ thời điểm cưới cho đến tại thời điểm hiện nay. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa

hợp, bất đồng trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi vã nhau. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Phi T nên tôi xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Phi T có 02 con chung cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 và cháu Nguyễn Phạm Gia A, sinh ngày 22/8/2021. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung cháu H và cháu A đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Phi T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Phi T trình bày: Tôi và bà Phạm Thị Bảo Y tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng tôi hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có lời qua tiếng lại, tôi đã xin lỗi vợ tôi và gia đình nhà vợ. Tôi xét thấy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi về đoàn tụ nuôi dạy con chung vì con cái tôi còn nhỏ, tôi không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Bảo Y.

Về con chung: Tôi và bà Y có 02 con chung cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 và cháu Nguyễn Phạm Gia A, sinh ngày 22/8/2021.

Về tài sản gia đình đất đai dưới quê và nhà cửa, phòng khám trên này. Nợ Ngân hàng và tất cả nợ anh em trong gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

-Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Bảo Y là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Phạm Thị Bảo Y được ly hôn với ông Nguyễn Phi T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 cho ông Nguyễn Phi T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Phạm Gia A, sinh ngày 22/8/2021 cho bà Phạm Thị Bảo Y nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Bảo Y và ông Nguyễn Phi T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bảo Y và ông Nguyễn Phi T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Bảo Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Bảo Y, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của bà Y và ông T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà Y, ông T thì bà Y cho rằng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không tôn trọng vợ và không tôn trọng gia đình nhà vợ từ thời điểm cưới cho đến tại thời điểm hiện nay còn phía ông T cũng thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có lời qua tiếng lại, ông T đã xin lỗi vợ và gia đình nhà vợ, ông xét thấy vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, vì con cái còn nhỏ, ông không đồng ý ly hôn với bà Y còn phía bà Y có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Bà Y và ông T là vợ chồng hiện nay đang sinh sống tại 27 đường T, T2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương bà Y, ông T không yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa ông T, bà Y.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Y và ông T xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Y xin ly hôn ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Y và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 và cháu Nguyễn Phạm Gia A, sinh ngày 22/8/2021.

Về con chung bà Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, còn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019. Xét nguyện vọng của bà Y, ông T và các điều kiện nuôi dưỡng con của mỗi bên nên xét thấy cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng chăm sóc một con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Bảo Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bảo Y. Bà Phạm Thị Bảo Y được ly hôn với ông Nguyễn Phi T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 10/7/2019 cho ông Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Phạm Gia A, sinh ngày 22/8/2021 cho bà Phạm Thị Bảo Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Các bên được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Bảo Y và ông Nguyễn Phi T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bảo Y và ông Nguyễn Phi T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Bảo Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã

nộp theo biên lai số: AA/2023/0005304 ngày 02/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Phi T không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

